

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

30-6-2009 - Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Cần Giờ.

53

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định
số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của
Ủy ban nhân dân thành phố quy định về kiến trúc nhà liên kế
trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 29/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về quản lý kiến trúc đô thị;

Căn cứ Thông tư số 08/2007/TT-BXD ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc đô thị;

Căn cứ Quyết định số 42/2005/QĐ-BXD ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành TCXDVN 353:2005 “Nhà ở liên kế - Tiêu chuẩn thiết kế”;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1228/BXD-KTQH ngày 25 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc áp dụng Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1456/TTr-SQHKT ngày 03 tháng 6 năm 2009; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1082/STP-VB ngày 17 tháng 4 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d và e khoản 2 Điều 1 Quy định:

“d) Cung cấp công khai thông tin quy hoạch - kiến trúc cho nhân dân và nhà đầu tư trong quá trình chuẩn bị đầu tư.

e) Cung cấp công khai thông tin quy hoạch - kiến trúc cho Sở - ngành và các đơn vị liên quan làm cơ sở phục vụ cho công tác thẩm định giá bán nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 2 Quy định:

“c) Các dự án khu nhà ở có quy hoạch chi tiết 1/500 được duyệt, các khu cư xá đã ổn định về quy hoạch, đặc biệt lưu ý các dãy nhà liên kế hiện hữu có chung hệ thống kết cấu;”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quy định:

“3. Đối với công trình xây dựng trên lô đất lớn hơn 500m² và không vượt quá 1.000m², có hiện trạng là nhà xây dựng theo hình thức nhà liên kế được phép áp dụng Quy định này.”

4. Bổ sung khoản 4 Điều 2 Quy định:

“4. Quy định này áp dụng đối với các lô đất có hình thể có thể xác định được theo dạng hình học (như hình vuông, hình chữ nhật và các hình thể khác có thể xây dựng

công trình thành các hình khối phù hợp với mỹ quan chung đô thị). Trường hợp hình thể lô đất không thể xác định được theo các dạng hình học (như lô đất có hình thể zic-zac, xiên méo, giạt cấp nhiều...) làm hình khối công trình sau khi xây dựng ảnh hưởng xấu đến mỹ quan chung đô thị, cơ quan quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị theo phân cấp có trách nhiệm xem xét, đề xuất hoặc quyết định việc áp dụng Quy định này trên cơ sở đảm bảo mỹ quan kiến trúc (như xác định ranh xây dựng công trình phù hợp, giảm tầng cao, giảm mật độ xây dựng, tăng khoảng lùi xây dựng công trình...)."

5. Sửa đổi, bổ sung tiết b điểm 2.1 khoản 2 Điều 6 Quy định:

“b) Nếu lô đất có diện tích từ $15m^2$ đến dưới $36m^2$, có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng từ 3,0m trở lên: được phép cải tạo, sửa chữa theo quy mô số tầng hiện hữu hoặc xây dựng mới tối đa 2 tầng (có thể bố trí tầng lửng tại trệt và mái che cầu thang tại sân thượng), chiều cao toàn công trình không quá 13,4m (đối với đường có lộ giới từ 20m trở lên) và không quá 12,2m (đối với đường có lộ giới từ 12m đến dưới 20m).”

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung gạch đầu dòng thứ 3 tiết b điểm 2.2 khoản 2 Điều 6 Quy định:

“- Có chiều rộng (hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng) từ 3,0m trở lên hoặc có chiều rộng (hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng) từ 2,0m đến dưới 3,0m nhưng có điều kiện hợp khối kiến trúc bên ngoài: được phép cải tạo, sửa chữa theo hiện trạng hoặc xây dựng mới với chiều cao toàn công trình xác định theo lộ giới hẻm như sau:

+ Hẻm lộ giới $\geq 3,5m$: cao độ tối đa từ nền vỉa hè đến sàn lầu 1 là 5,8m; xây dựng tối đa 3 tầng (có thể bố trí tầng lửng tại trệt và mái che cầu thang tại sân thượng), chiều cao không quá 15,6m.

+ Hẻm lộ giới $< 3,5m$: cao độ tối đa từ nền vỉa hè đến sàn lầu 1 là 3,8m; xây dựng tối đa 3 tầng (không bố trí tầng lửng tại trệt, có thể bố trí mái che cầu thang tại sân thượng), chiều cao không quá 13,6m.”

7. Sửa đổi, bổ sung Bảng 1 và khoản 1 phần Ghi chú Điều 7 Quy định:

“Bảng 1

Diện tích lô đất (m^2)		≤ 50	75	100	200	300	500	1000
Mật độ XD tối đa (%)	Đối với quận nội thành	100	90	85	80	75	70	65
	Đối với huyện ngoại thành	100	90	80	70	60	50	50

Ghi chú:

1. Mật độ xây dựng đối với huyện ngoại thành (trường hợp diện tích lô đất đến 500m²) và diện tích lô đất được xác định theo *Bảng 2.6. Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng nhà ở - Quy chuẩn Quy hoạch Xây dựng năm 2008.*”

8. Sửa đổi, bổ sung Bảng 2 khoản 1 Điều 8 Quy định:

“Bảng 2

Chiều rộng lô giới L (m)	Tầng cao cơ bản (tầng)	Số tầng cộng thêm nếu thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận (tầng)	Số tầng cộng thêm nếu thuộc trục đường thương mại - dịch vụ (tầng)	Số tầng cộng thêm nếu công trình xây dựng trên lô đất lớn (tầng)	Cao độ tối đa từ nền via hè đến sàn lầu 1 (m)	Số tầng khởi nền tối đa + số tầng giật lùi tối đa (tầng)	Tầng cao tối đa (tầng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
$L \geq 25$	5	+1	+1	+1	7,0m	7+1	8
$20 \leq L < 25$	5	+1	+1	+1	7,0m	6+2	8
$12 \leq L < 20$	4	+1	+1	+1	5,8m	5+2	7
$7 \leq L < 12$	4	+1	0	+1	5,8m	4+2	6
$3,5 \leq L < 7$	3	+1	0	0	5,8m	3+1	4
$L < 3,5$	3	0	0	0	3,8m	3+0	3

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b, d, đ, e phần Ghi chú khoản 1 Điều 8 Quy định:

“b) Nguyên tắc xác định khoảng lùi đối với các tầng cao cộng thêm:

Trường hợp số tầng cao tổng cộng của công trình (bao gồm tầng cao cơ bản và tầng cao cộng thêm) vượt quá số tầng cao khởi nền tối đa xác định ở cột 7 Bảng 2 thì các tầng chênh lệch (cao hơn khởi nền) phải có khoảng lùi, nghĩa là chỉ giới xây dựng của các tầng chênh lệch lùi cách chỉ giới xây dựng của các tầng khởi nền phía dưới tối thiểu 3,5m.

d) Quận trung tâm thành phố gồm các quận 1, 3, 4, 5, 10, Phú Nhuận, Bình Thạnh. Tuy nhiên, trong địa bàn các quận này sẽ có các khu vực áp dụng quy định hạn chế xây dựng hoặc quy chế quản lý kiến trúc riêng (không cho phép áp dụng các yếu tố cộng thêm tầng) do mục tiêu kêu gọi dự án đầu tư, xây dựng chỉnh trang đô thị quy mô lớn... và sẽ được Ủy ban nhân dân quận quyết định bằng văn bản

kèm bản đồ xác định ranh chính xác (trên cơ sở Ủy ban nhân dân thành phố đã chấp thuận chủ trương).

đ) Trung tâm cấp quận được xác định trong quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết hoặc do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc do Ủy ban nhân dân quận phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác định.

e) Trục đường thương mại - dịch vụ: được xác định trong quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết hoặc do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc do Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác định theo các tiêu chí sau:

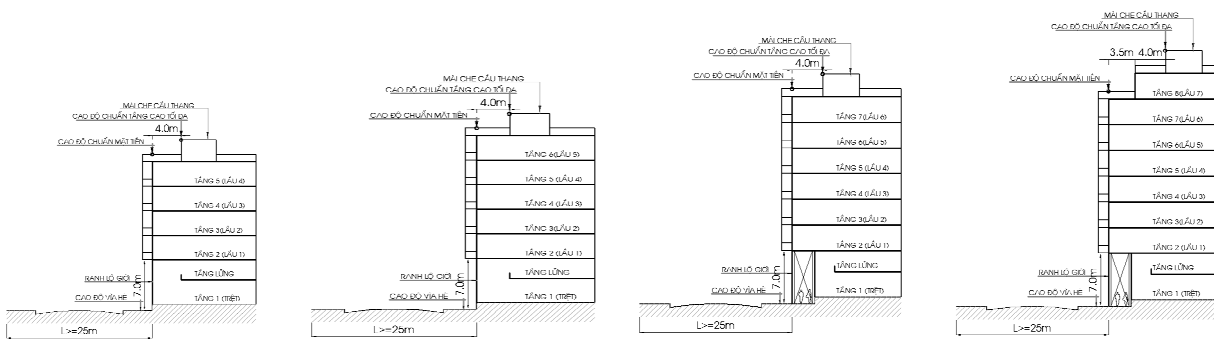
- Thuộc khu vực trung tâm thành phố, trung tâm quận - huyện hoặc là trục giao thông quan trọng nối liền các trung tâm khu vực;

- Hiện trạng hoặc định hướng phát triển kinh tế - xã hội là trục đường tập trung nhiều các hoạt động thương mại - dịch vụ ở mặt tiền đường;

- Chiều rộng lòng đường đảm bảo làn xe ô tô đậu và lưu thông, có vỉa hè đủ rộng để đậu xe máy và người đi bộ lưu thông (trừ trường hợp tuyến đi bộ thương mại được xác định cụ thể bởi cấp có thẩm quyền).”

10. Sửa đổi, bổ sung các hình minh họa về số tầng và chiều cao nhà liên kế tùy thuộc lộ giới đường và hẻm (minh họa cho Bảng 2 khoản 1 Điều 8) như sau:

Hình minh họa đối với đường có lộ giới từ 25m trở lên



Quy mô tối đa 5 tầng:

Khi không có các yếu tố tầng tầng cao

Quy mô tối đa 6 tầng:

Khi có 1 trong 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;*
- (ii) Trên trục đường thương mại - dịch vụ;*
- (iii) Lô đất lớn.*

Quy mô tối đa 7 tầng:

Khi có 2 trong 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

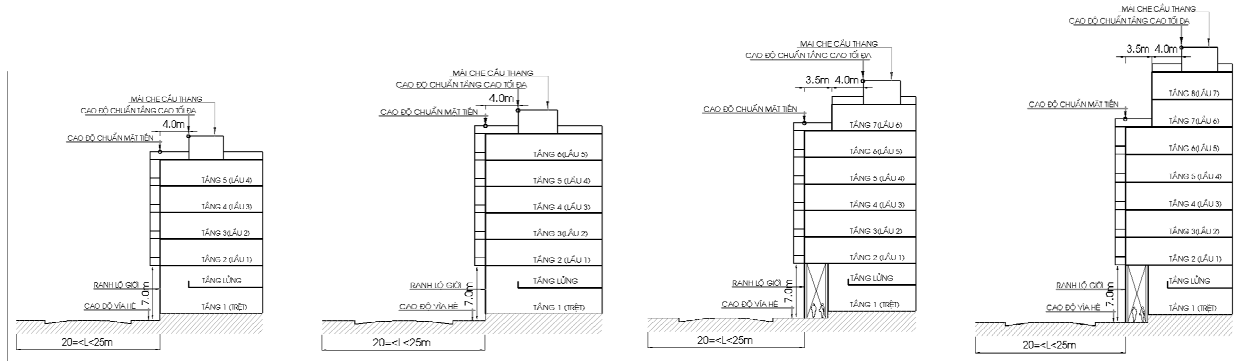
- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;*
- (ii) Trên trục đường thương mại - dịch vụ;*
- (iii) Lô đất lớn.*

Quy mô tối đa 8 tầng: (tầng 8 có khoảng lùi)

Khi có cả 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;*
- (ii) Trên trục đường thương mại - dịch vụ;*
- (iii) Lô đất lớn.*

Hình minh họa đối với đường có lộ giới từ 20m đến 25m



Quy mô tối đa 5 tầng:

Khi không có các yếu tố tầng tầng cao

Quy mô tối đa 6 tầng:

Khi có 1 trong 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;
- (ii) Trên trục đường thương mại - dịch vụ;
- (iii) Lô đất lớn.

Quy mô tối đa 7 tầng (tầng 7 có khoảng lùi)

Khi có 2 trong 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

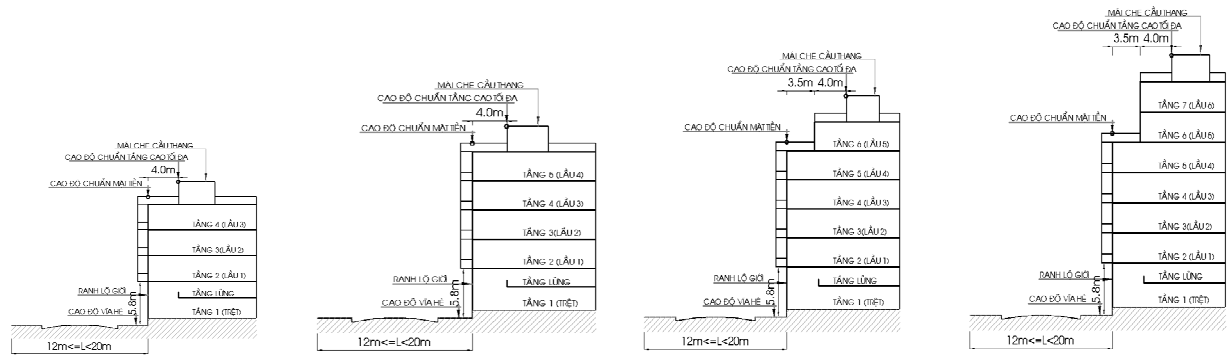
- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;
- (ii) Trên trục đường thương mại - dịch vụ;
- (iii) Lô đất lớn.

Quy mô tối đa 8 tầng (tầng 7, 8 có khoảng lùi)

Khi có cả 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;
- (ii) Trên trục đường thương mại - dịch vụ;
- (iii) Lô đất lớn.

Hình minh họa đối với đường có lộ giới từ 12m đến dưới 20m



Quy mô tối đa 4 tầng:

Khi không có các yếu tố tầng tầng cao

Quy mô tối đa 5 tầng:

Khi có 1 trong 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;
- (ii) Trên trục đường thương mại-dịch vụ;
- (iii) Lô đất lớn.

Quy mô tối đa 6 tầng (tầng 6 có khoảng lùi)

Khi có 2 trong 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

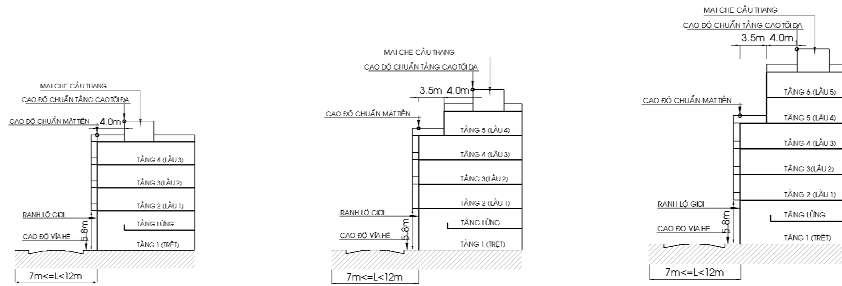
- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;
- (ii) Trên trục đường thương mại-dịch vụ;
- (iii) Lô đất lớn.

Quy mô tối đa 7 tầng (tầng 6, 7 có khoảng lùi)

Khi có cả 3 yếu tố tầng tầng cao sau đây:

- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;
- (ii) Trên trục đường thương mại-dịch vụ;
- (iii) Lô đất lớn.

Hình minh họa đối với đường, hẻm có lộ giới từ 7m đến dưới 12m



Quy mô tối đa 4 tầng:
 Khi không có các yếu tố tăng tầng cao

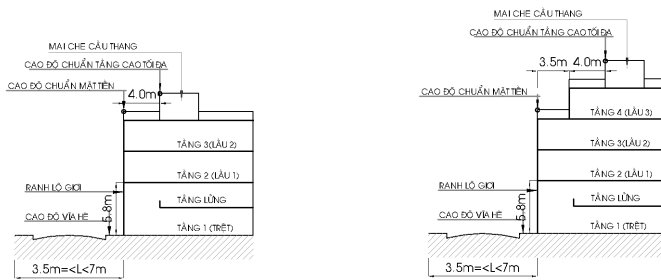
Quy mô tối đa 5 tầng:
 (tầng 5 có khoảng lùi)
 Khi có 1 trong 2 yếu tố tăng tầng cao sau đây:

Quy mô tối đa 6 tầng:
 (tầng 5, 6 có khoảng lùi):
 Khi có cả 2 yếu tố tăng tầng cao sau đây:

- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;
- (ii) Lô đất lớn.

- (i) Thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận;
- (ii) Lô đất lớn.

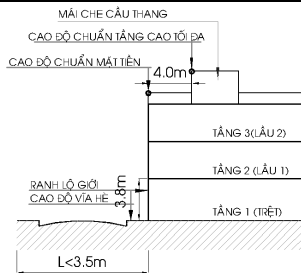
Hình minh họa đối với đường, hẻm có lộ giới từ 3,5m đến 7m



Quy mô tối đa 3 tầng:
 Khi không có các yếu tố tăng tầng cao

Quy mô tối đa 4 tầng (tầng 4 có khoảng lùi):
 Khi vị trí xây dựng thuộc khu vực quận trung tâm TP hoặc trung tâm cấp quận

Hình minh họa đối với hẻm, lối đi chung có lộ giới nhỏ hơn 3,5m



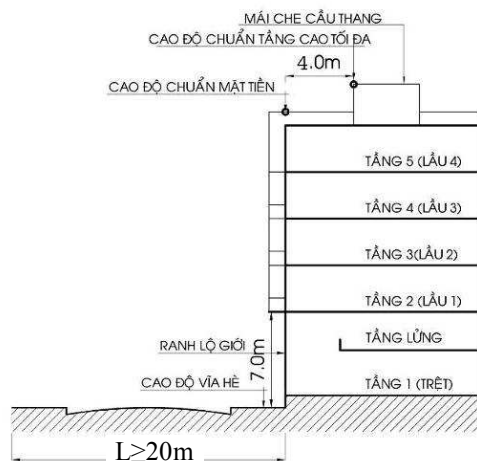
Quy mô tối đa 3 tầng

11. Sửa đổi, bổ sung Bảng 3 khoản 1 Điều 8 (kèm theo hình minh họa về cao độ từ nền vỉa hè đến sàn lầu 1) Quy định:

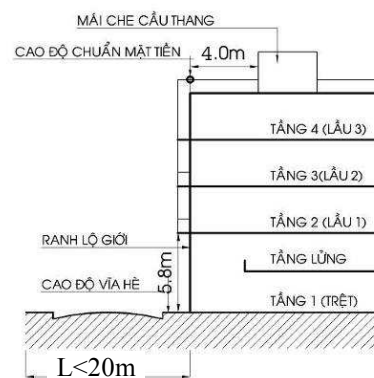
“Bảng 3: Cao độ chuẩn ở vị trí chỉ giới xây dựng

Chiều rộng lộ giới L (m)	Cao độ tối đa từ nền vỉa hè đến sàn lầu 1 (m)	Cao độ chuẩn tại vị trí chỉ giới xây dựng tại tầng cao tối đa (m)					
		Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6	Tầng 7	Tầng 8
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
$L \geq 25$	7,0	-	-	21,6	25,0	28,4	31,8
$20 \leq L < 25$	7,0	-	-	21,6	25,0	28,4	31,8
$12 \leq L < 20$	5,8	-	17,0	20,4	23,8	27,2	-
$7 \leq L < 12$	5,8	-	17,0	20,4	23,8	-	-
$3,5 \leq L < 7$	5,8	13,6	17,0	-	-	-	-
$L < 3,5$	3,8	11,6	-	-	-	-	-

Hình minh họa:



Hình minh họa cho trường hợp lộ giới $\geq 20m$, cao độ từ nền vỉa hè đến sàn lầu 1 là 7,0m.



Hình minh họa cho trường hợp lộ giới $< 20m$, cao độ từ nền vỉa hè đến sàn lầu 1 là 5,8m.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 Quy định về số tầng và chiều cao nhà liên kế có khoảng lùi:

“b) Trừ trường hợp có quy định riêng hoặc quy chế quản lý kiến trúc của khu vực được cấp thẩm quyền phê duyệt về không chế tầng cao, tầng cao nhà ở liên kế hiện hữu có khoảng lùi được xác định như sau:

- Đối với đường có lộ giới từ 7m trở lên, tầng cao nhà ở liên kế hiện hữu có khoảng lùi được xác định thấp hơn 1 tầng so với tầng cao nhà ở liên kế hiện hữu cùng loại xây sát ranh lộ giới được quy định tại Bảng 2 khoản 1 Điều 8, nhưng không thấp hơn tầng cao cơ bản. Tất cả các tầng lầu có cùng khoảng lùi, thống nhất theo khoảng lùi chung của dãy nhà liên kế.

- Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 7m, tầng cao nhà ở liên kế hiện hữu có khoảng lùi được xác định tương tự tầng cao nhà ở liên kế hiện hữu cùng loại xây sát ranh lộ giới được quy định tại Bảng 2 khoản 1 Điều 8. Từ tầng 1 đến tầng 3 lùi theo khoảng lùi chung của dãy nhà liên kế, tầng 4 (nếu có) lùi cách chỉ giới xây dựng của các tầng phía dưới 3m.”

13. Sửa đổi, bổ sung Bảng 4 điểm b khoản 3 Điều 8 Quy định:

“Bảng 4

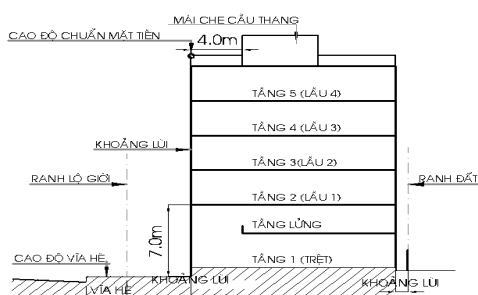
Chiều rộng lộ giới L (m)	Khoảng lùi tối thiểu so với lộ giới (m)	Số tầng tối đa (tầng)	Cao độ tối đa từ nền vỉa hè đến sàn lầu 1 (m)	Cao độ chuẩn ở vị trí tầng cao tối đa
$L \geq 20$	4,5	5	7,0	21,6
$12 \leq L < 20$	4,0	4	5,8	17
$7 \leq L < 12$	3,0	4	5,8	17
$3,5 \leq L < 7$	2,4	3	5,8	13,6

14. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 8 (kèm hình minh họa) Quy định:

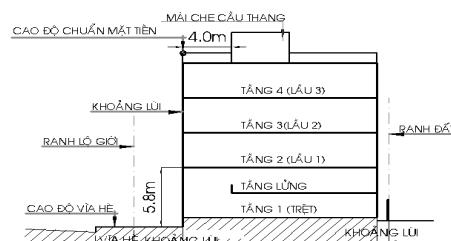
“c) Trường hợp khu dân cư xây dựng mới thuộc quận trung tâm thành phố, trung tâm cấp quận hoặc trục đường thương mại - dịch vụ thì được tăng thêm số tầng là:

- Tăng thêm tối đa 1 tầng (không lùi) nếu đường có lộ giới $L \geq 12m$.
- Tăng thêm tối đa 1 tầng (có lùi) nếu đường và hẻm có lộ giới $3,5 \leq L < 12m$.

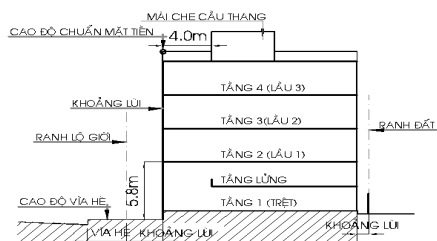
Hình minh họa:



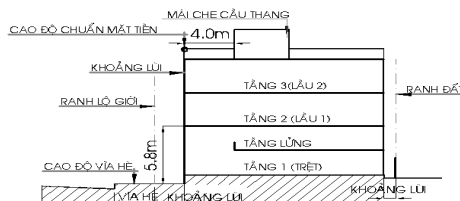
$L \geq 20m$ (5 tầng)



$12m \leq L < 20m$ (4 tầng)



$$7m \leq L < 12m \text{ (4 tầng)}$$



$$L < 7m \text{ (3 tầng)}$$

15. Sửa đổi, bổ sung khoản a và b Điều 9 Quy định:

“a) Dàn hoa, mái che cầu thang (nếu là mái bằng BTCT) có chiều cao tối đa 3m (tính từ sàn sân thượng). Trường hợp mái che cầu thang là mái dốc, độ dốc mái không quá 35° , chiều cao từ sàn sân thượng đến mép dưới mái ngói tối đa 3m.

b) Diện tích phần mái che cầu thang không được lớn hơn $1/2$ diện tích sàn sân thượng và phải bố trí có sân trước, sân sau. Khoảng lùi phía trước cách vị trí mặt tiền sàn sân thượng tối thiểu 4m; khoảng lùi phía sau cách ranh đất mặt hậu tối thiểu 2m. Trường hợp bố trí mái che thang là mái dốc thì có thể bố trí không có khoảng lùi phía sau, nhưng phải tổ chức có mái dốc đổ về phía sau, cao độ mái tại vị trí ranh đất mặt hậu không quá 2m (tính từ sàn sân thượng).”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 Quy định:

“1. Độ vươn của ban công, ô văng nhô ra trên không gian lộ giới phụ thuộc vào chiều rộng của lộ giới, cụ thể theo Bảng 5 như sau:

Bảng 5

Chiều rộng lộ giới L (m)	Độ vươn tối đa (m)
$L < 6$	0
$6 \leq L < 12$	0,9
$12 \leq L < 20$	1,2
$L \geq 20$	1,4

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Quy định vạt góc giao lộ:

“Để đảm bảo an toàn và tầm nhìn cho các phương tiện giao thông, khuôn viên của các ngôi nhà nằm giáp giao lộ phải tuân thủ các quy định trong Bảng 6.

Bảng 6

Số TT	Góc cắt giao nhau với lộ giới	Kích thước vạt góc (m)
1	Lớn hơn 0° - dưới 35°	12 x 12

2	Từ 35° - dưới 60°	09 x 09
3	Từ 60° - dưới 80°	06 x 06
4	Từ 80° - dưới 110°	04 x 04
5	Từ 110° - dưới 140°	03 x 03
6	Từ 140° - dưới 160°	02 x 02
7	Từ 160° - 180°	00 x 00

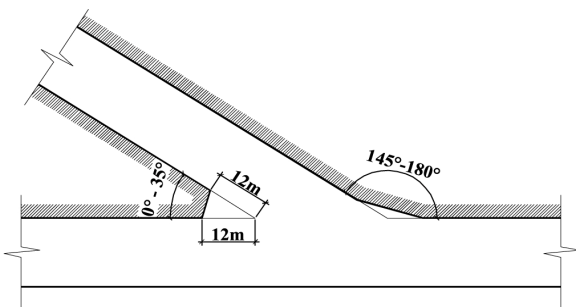
Ghi chú: các trường hợp kích thước vật góc được áp dụng như sau:

a) Đường có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 12m giao với đường có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 12m thì áp dụng 100% theo bảng 6.

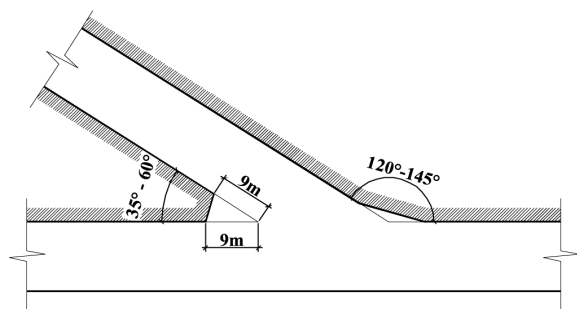
b) Đường có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 12m (hoặc hẻm có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 4m đến nhỏ hơn 12m) giao với hẻm có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 4m đến nhỏ hơn 12m thì áp dụng 50% bảng 6.

c) Đường có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 12m (hoặc hẻm có lộ giới nhỏ hơn 12m) giao với hẻm có lộ giới nhỏ hơn 4m thì kích thước vật góc giao lộ là 01 x 01m hoặc bo tròn góc giao lộ với R = 1m để giảm mức độ ảnh hưởng đến lưu thông.

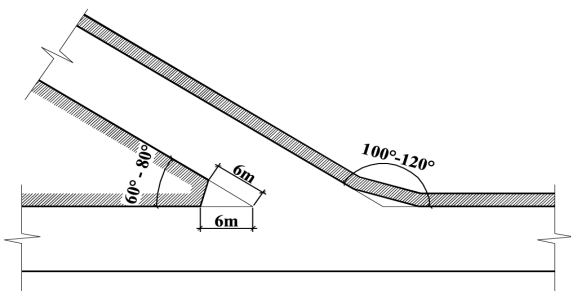
Hình minh họa:



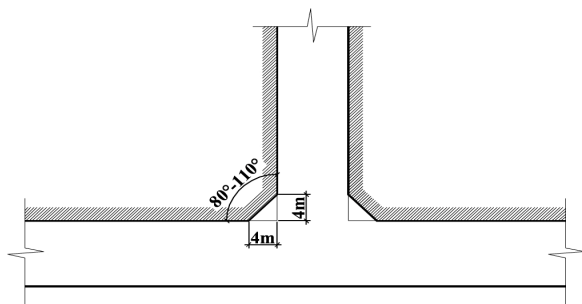
Kích thước vật góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới nhỏ hơn 35°



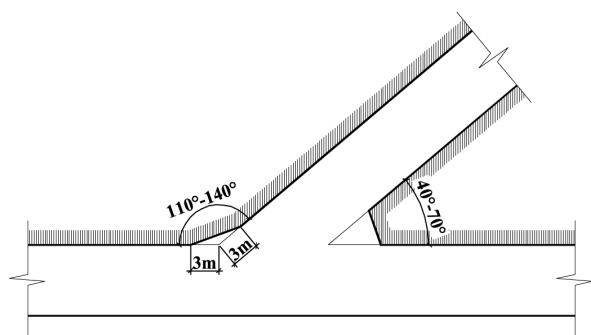
Kích thước vật góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới từ 35° đến dưới 60°



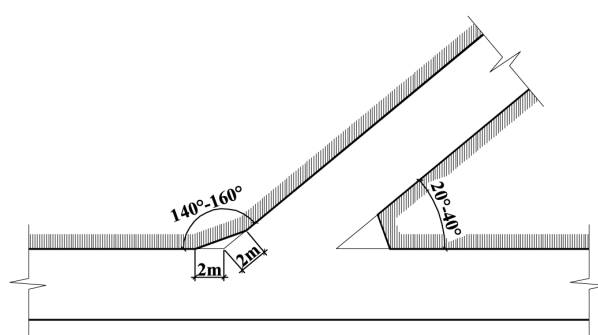
Kích thước vật góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới từ 60° đến dưới 80°



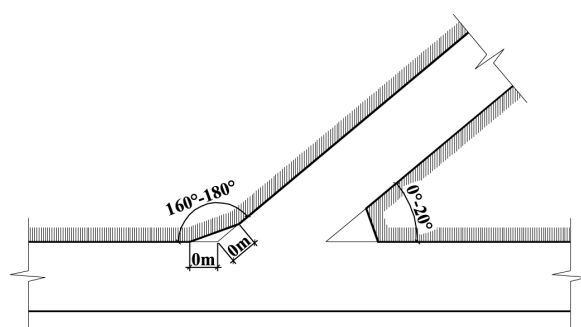
Kích thước vật góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới từ 80° đến dưới 110°



Kích thước vật góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới từ 110° đến dưới 140°



Kích thước vật góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới từ 140° đến dưới 160°



Kích thước vật góc tại góc cắt giao nhau với lộ giới từ 160° đến 180°

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 Quy định về Điều khoản thi hành:

“1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện (hoặc Sở Xây dựng) về chuyên môn liên quan đến việc áp dụng Quy định này trong trường hợp có vướng mắc do tính chất đặc thù của địa phương về hiện trạng hoặc định hướng phát triển. Các trường hợp kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu dự kiến xây dựng với quy mô tương đồng theo hiện trạng (tối thiểu 5 căn) của dãy phố đã được cơ quan thẩm quyền cung cấp thông tin quy hoạch - kiến trúc hoặc cấp phép xây dựng hoặc theo định hướng phát triển đô thị của dãy phố khác với Quy định này thì Ủy ban nhân dân quận - huyện (hoặc Sở Xây dựng) tổng hợp gửi hồ sơ (kèm chính kiến) để Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét, cung cấp thông tin quy hoạch - kiến trúc cụ thể. Thời gian Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét trả lời tối đa 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.”

19. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 - Tài liệu tham khảo:

Thay thế “Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam (tập I - có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 1997)” bằng “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng được ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (thay thế cho phần II (về quy hoạch xây dựng) của Quy chuẩn Xây

dựng Việt Nam tập I được ban hành kèm theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14 tháng 12 năm 1996.”

20. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 3 - Tài liệu tham khảo:

Thay thế “*Đoạn, tuyến đường thương mại - dịch vụ: được xác định trong quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết hoặc do Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác định trên bản đồ hoặc bằng văn bản theo các tiêu chí sau:*” bằng “*Đoạn, tuyến đường thương mại - dịch vụ: được xác định trong quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết hoặc do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc do Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc xác định trên bản đồ hoặc bằng văn bản theo các tiêu chí sau:*”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác không đề cập đến vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng và trợ cấp trang phục hàng năm
đối với lực lượng Dân quân trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Dân quân tự vệ ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ; Thông tư liên tịch số 46/2005/TTLT-BQP-BKHĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 412/2006/QĐ-UBND-M ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định số lượng và chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân trinh sát thành phố, dân quân thường trực quận - huyện và lực lượng Dân quân thường trực phường - xã, thị trấn;

Xét đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố tại Công văn số 307/BCH-DQTV ngày 04 tháng 3 năm 2009; của Sở Tài chính tại Công văn số 3696/STC-QHPX ngày 06 tháng 5 năm 2009 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 757/TTr-SNV ngày 22 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng và trợ cấp trang phục hàng năm đối với lực lượng Dân quân trên địa bàn thành phố như sau:

1. Điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng bao gồm trợ cấp tiền ăn và sinh hoạt phí đối với lực lượng Dân quân trình sát thành phố, Dân quân thường trực quận - huyện và Dân quân thường trực phường - xã, thị trấn từ 900.000 đồng/tháng lên 1.200.000 đồng/tháng.

2. Điều chỉnh mức trợ cấp trang phục hàng năm đối với lực lượng Dân quân trình sát thành phố, Dân quân thường trực quận - huyện, Dân quân thường trực phường - xã, thị trấn, cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự và nhân viên thống kê phường - xã, thị trấn từ 740.000 đồng/người/năm lên 915.000 đồng/người/năm.

3. Thời gian áp dụng các chế độ nêu trên từ ngày 01 tháng 5 năm 2009.

Điều 2. Sở Tài chính phân bổ kinh phí hàng năm từ ngân sách thành phố cho Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố để thực hiện các chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân trình sát thành phố, lực lượng Dân quân thường trực quận - huyện nêu trên và hướng dẫn Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố lập dự toán, quyết toán kinh phí theo quy định.

Ủy ban nhân dân quận - huyện sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự, nhân viên thống kê và lực lượng Dân quân thường trực phường - xã, thị trấn theo Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ khoản 1, 2 Điều 1 Quyết định số 23/2008/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng và trợ cấp trang phục hàng năm đối với lực lượng Dân quân trên địa bàn thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở - ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu
sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước
và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý
của các cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là nhà, đất)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 72/2004/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ Nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản nhà nước để bán đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 13/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài

chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2005/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản nhà nước để bán đấu giá;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 627/STC-CS ngày 16 tháng 01 năm 2009 về phê duyệt Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước, tài sản kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền và ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là nhà, đất).

Căn cứ Quy chế này, Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước của thành phố và của quận - huyện triển khai các hoạt động bán đấu giá.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 38/2001/QĐ-UB ngày 07 tháng 5 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; bãi bỏ các quy định trái với Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước thành phố, quận - huyện, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Cục trưởng Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm thành phố, Giám đốc Xí nghiệp

Phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất Tân Sơn Nhất, Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất, Giám đốc các Cảng biển tại thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Tổ chức bán đấu giá hàng hóa, tài sản tịch thu sung quỹ
nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước và các tài sản
hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan
có thẩm quyền (trừ tài sản là nhà, đất)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức bán đấu giá công khai tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là nhà, đất).

Điều 2. Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước thành phố, quận - huyện (gọi tắt là Hội đồng định giá và bán đấu giá) bố trí lịch cụ thể để phối hợp thực hiện các bước:

1. Lập danh mục hàng hóa đã xử lý tịch thu, đã xác lập quyền sở hữu nhà nước.
2. Phối hợp với cơ quan xử lý tịch thu và các ngành chức năng tổ chức kiểm tra đánh giá xác định tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản sung công quỹ nhà nước và dự kiến mức giá khởi điểm.

Đối với các tài sản như: xe ô tô, thiết bị đặc chủng chuyên dùng, dược phẩm, mỹ phẩm, hóa chất... sẽ trưng cầu giám định của cơ quan chuyên môn có chức năng nếu xét thấy cần thiết.

Điều 3. Hội đồng định giá và bán đấu giá có trách nhiệm

1. Xác định chất lượng và mức giá khởi điểm cho các mặt hàng, lô hàng bán đấu giá, quy định đối tượng tham gia đấu giá, thống nhất nội dung, kế hoạch tổ chức cuộc bán đấu giá để đăng báo và niêm yết.

2. Thông báo công khai trên báo Sài Gòn Giải Phóng hai kỳ, mỗi kỳ cách nhau 3 ngày, đồng thời thông tin trên website của Sở Tài chính (đối với Hội đồng định giá và bán đấu giá thành phố), trên mạng Internet của đơn vị (nếu có) về việc tổ chức bán đấu giá.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng định giá và bán đấu giá được ủy quyền cho các đơn vị có chức năng bán đấu giá tài sản của nhà nước để thực hiện việc bán đấu giá.

Điều 4. Hội đồng định giá và bán đấu giá hoặc đơn vị có chức năng bán đấu giá tài sản nhà nước (trong trường hợp được ủy quyền) tiến hành:

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, hồ sơ cụ thể gồm:

1.1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đủ điều kiện tham gia đấu giá các mặt hàng có liên quan (bản sao có dấu công chứng hoặc sao y chứng thực của cấp quận - huyện).

1.2. Công văn tham gia đấu giá.

1.3. Giấy giới thiệu người đại diện cho tổ chức tham gia đấu giá.

Hồ sơ tham gia đấu giá phải được thông qua Hội đồng định giá và bán đấu giá xét duyệt đối tượng, thành phần tham gia đấu giá, trước khi bán đấu giá.

2. Thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá, được thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Khoản thu này không hoàn trả cho người nộp, dùng để chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá, gồm: chi phí niêm yết, thông báo công khai việc tổ chức bán đấu giá, chi phí tổ chức đăng ký mua tài sản bán đấu giá, chi phí in ấn, photo hồ sơ đấu giá, chi phí trưng bày cho xem tài sản, chi phí tổ chức phiên đấu giá, chi phí bàn giao tài sản... và được quyết toán định kỳ hàng năm.

3. Thu tiền đặt trước: Người tham gia đấu giá phải nộp một khoản tiền đặt trước bằng 5 (năm) % trên mức giá khởi điểm của từng lô hàng mà mình muốn tham gia đấu giá. Trong trường hợp người muốn tham gia đấu giá đã nộp khoản tiền đặt trước nhưng sau đó không dự tại buổi đấu giá mà không có lý do chính đáng (lý do chính đáng cụ thể như bị tai nạn, bệnh cấp cứu, chết...) thì khoản tiền đặt trước đó sẽ được xử lý tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Hội đồng chỉ giải quyết cho người đăng ký dự đấu giá được rút lại tiền đặt trước trong khoảng thời gian còn được phép nộp tiền đặt trước theo thông báo trong kế

hoạch tổ chức bán đấu giá. Quá thời hạn đóng tiền đặt trước, mọi trường hợp người tham gia đấu giá xin rút lại tiền đặt trước sẽ không được giải quyết.

Phí đấu giá và tiền đặt trước của người tham gia đấu giá được nộp chậm nhất là một ngày trước khi tổ chức bán đấu giá.

Trong trường hợp người đã nộp tiền đặt trước mua được tài sản bán đấu giá thì khoản tiền đặt trước được trừ vào giá mua; nếu không mua được, thì khoản tiền đặt trước được trả lại cho người nộp ngay sau khi cuộc bán đấu giá kết thúc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 5. Đối với trường hợp hàng hóa tịch thu (hàng hóa tạm giữ, kê biên v.v...) được Hội đồng định giá và bán đấu giá ủy quyền cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý bảo quản tại kho của đơn vị, cơ quan được ủy quyền bảo quản hàng hóa sẽ tổ chức hướng dẫn cho các đơn vị đăng ký dự đấu giá đến xem hàng tại địa điểm bảo quản tài sản bán đấu giá.

Chương II

THỦ TỤC CUỘC BÁN ĐẤU GIÁ

Điều 6. Nội dung cuộc bán đấu giá

1. Tổ Thường trực bán đấu giá (do Hội đồng định giá và bán đấu giá thành lập) sẽ trực tiếp điều hành buổi bán đấu giá. Cơ cấu Tổ Thường trực bán đấu giá có Tổ trưởng là đại diện Sở Tài chính thành phố hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện và Tổ phó là đại diện ngành có tài sản tịch thu. Tổ Thường trực bán đấu giá sẽ phân công:

a) Thư ký ghi biên bản cuộc bán đấu giá (do Sở Tài chính thành phố, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện đảm trách).

b) Người điều hành cuộc bán đấu giá (do Tổ trưởng hay Tổ phó thay phiên nhau đảm nhiệm).

2. Tổ Thường trực bán đấu giá sẽ tiến hành:

a) Giới thiệu các thành phần dự buổi đấu giá.

b) Diễm danh các đơn vị tham gia đấu giá theo từng lô hàng (những người đã đăng ký và nộp khoản tiền đặt trước đối với lô hàng).

c) Giới thiệu tên tài sản bán đấu giá.

d) Phổ biến quy chế bán đấu giá, thể thức nộp tiền sau khi khách hàng trúng đấu giá, thời gian thanh toán tiền và bàn giao tài sản.

đ) Giải đáp thắc mắc của khách hàng (nếu có).

Điều 7. Nội quy buổi đấu giá

1. Mỗi đơn vị tham gia đấu giá được tham dự tại cuộc bán đấu giá tối đa không quá hai người. Người cùng đơn vị chỉ được trao đổi nội bộ, không được trao đổi với đơn vị khác, không được sử dụng điện thoại di động để trao đổi trong phòng bán đấu giá.

Các đơn vị tham gia đấu giá mang theo giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân của người được giới thiệu và một khoản tiền đặt trước tương ứng với phần trăm giá trị của lô hàng (khoản tiền này do Sở Tài chính hướng dẫn) để nộp bổ sung tiền đặt trước (đối với khách hàng trúng đấu giá) cho Tổ Thường trực bán đấu giá.

2. Hình thức tổ chức bán đấu giá: đấu giá công khai, trực tiếp bằng lời nói và tổ chức làm nhiều vòng. Thời gian tham gia trả giá cho mỗi vòng thi đấu là ba phút.

a) Người điều hành nhắc lại giá khởi điểm của lô hàng trước khi đấu giá, mức chênh lệch tối thiểu cho mỗi lần trả giá (nấc giá) và mời những người tham gia đấu giá bắt đầu trả giá.

b) Người tham gia đấu giá trước khi trả giá phải đưa cao số thứ tự và trả giá mình muốn mua trực tiếp bằng lời nói.

c) Người điều hành nhắc lại số thứ tự của người tham gia đấu giá và giá của người vừa trả giá.

d) Giá trả sau phải cao hơn giá trả trước kể đó tối thiểu bằng 1% trị giá khởi điểm của lô hàng (nấc giá).

đ) Đối với mỗi lô hàng, khách hàng phải tham gia đấu giá ngay từ đầu. Trường hợp bỏ một vòng thì mất quyền tham gia đấu giá ở các vòng sau.

e) Trường hợp nếu ngay vòng đấu đầu tiên, sau 03 phút, nếu tất cả các đơn vị tham gia đấu giá không phát giá thì sẽ bị tịch thu toàn bộ tiền đặt trước của tất cả các đơn vị đăng ký đấu giá.

Nếu ở những giây cuối cùng của một vòng thi đấu có nhiều khách hàng phát giá cùng một lúc, Tổ Thường trực bán đấu giá sẽ ghi nhận tất cả và lần lượt mời các khách hàng trả giá dù có quá thời gian quy định (03 phút).

g) Trường hợp ở vòng thi đấu, cuối cùng chỉ còn hai đơn vị phát giá, người điều hành bán đấu giá sẽ công bố tên người trúng đấu giá, nếu sau 03 lần nhắc lại giá người đã trả cao nhất (mỗi lần cách nhau 20 giây), đơn vị thứ hai (đang phát mức giá thấp hơn) không chịu tiếp tục phát giá; đơn vị này không có quyền khiếu nại về việc không trúng đấu giá.

h) Tại cuộc bán đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi người điều hành cuộc bán đấu giá công bố người mua được tài sản thì cuộc bán đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả liền kề trước đó. Người rút lại giá đã trả không được tham gia trả giá và khoản tiền đặt trước 5% trên giá khởi điểm sẽ bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước (theo Điều 20 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP).

i) Trong quá trình đấu giá, người tham gia đấu giá phải giữ trật tự chung, không được thương lượng trao đổi lẫn nhau.

k) Tổ trưởng có quyền tạm ngưng buổi đấu giá, lập biên bản xử lý trong các trường hợp sau:

- Khách hàng có ý định cản trở, ngăn cản, phá rối quyền đấu giá của khách hàng khác sẽ được nhắc nhở, nếu tiếp tục vi phạm, sẽ bị truất quyền tham dự đấu giá.

- Khách hàng có hành vi mua chuộc, hối lộ, cấu kết với nhân viên trong tổ bán đấu giá để loại trừ khách hàng khác, đìm giá sẽ bị truất quyền dự đấu giá.

- Trường hợp rút lại giá đã trả, xử lý như đã nêu ở phần trên (theo Điều 20 của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP).

- Nếu phát hiện có hiện tượng cấu kết giữa các khách hàng để đìm giá trong buổi đấu giá.

Điều 8. Trường hợp sau khi xem hàng, lô hàng bán đấu giá chỉ có một khách hàng đăng ký tham gia đấu giá, Hội đồng sẽ giải quyết bán cho đơn vị này theo giá khởi điểm đấu giá của lô hàng. Nếu đơn vị từ chối không mua lô hàng đã đăng ký hoặc vắng mặt, Hội đồng sẽ tịch thu tiền đặt trước của đơn vị theo Quy chế này, cuộc bán đấu giá xem như không thành.

Trường hợp sau khi xem hàng, nếu một lô hàng nào đó không có đơn vị nào nộp tiền đặt trước thì xem như kế hoạch đấu giá lô hàng đó không thành, Hội đồng sẽ để lại xem xét điều chỉnh giá khởi điểm và tiếp tục đưa ra đăng báo để bán đấu giá đợt tới.

Điều 9. Hóa đơn bán hàng tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản được xác lập

quyền sở hữu Nhà nước và các tài sản hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền... thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Đối với khách hàng trúng đấu giá

Ngoài tiền đặt trước (5% trên mức giá khởi điểm của lô hàng) sau khi kết thúc phần đấu giá của lô hàng đó, khách hàng phải nộp bổ sung thêm một khoản tiền đặt trước trên mức giá khởi điểm của lô hàng. Căn cứ vào tình hình thực tế việc bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước, tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước và các tài sản, hàng hóa kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; căn cứ vào Bộ Luật Dân sự năm 2005, giao Sở Tài chính hướng dẫn Hội đồng định giá và bán đấu giá thành phố, quận - huyện việc thu thêm khoản tiền đặt trước đối với khách hàng trúng đấu giá lô hàng.

Khách hàng trúng đấu giá sau đó từ chối mua ngay tại buổi bán đấu giá hoặc không nộp bổ sung ngay khoản tiền đặt trước trên mức giá khởi điểm của lô hàng thì sẽ bị tịch thu số tiền đặt trước (5% trên mức giá khởi điểm của lô hàng). Đồng thời bị chế tài với hình thức không được tham gia đấu giá ba lần kế tiếp.

Chương III

THỦ TỤC SAU KHI CÓ KẾT QUẢ CUỘC BÁN ĐẤU GIÁ

Điều 11. Tổ Thường trực bán đấu giá sẽ mời người trúng đấu giá mua được lô hàng ký tên vào biên bản đấu giá với sự chứng kiến của hai khách hàng khác. Sau đó, Tổ Thường trực sẽ hoàn trả tiền đặt trước cho những người có tham gia đấu giá nhưng không mua được lô hàng. Khách hàng trúng đấu giá sẽ được cấp biên nhận nộp tiền đặt trước (sẽ trừ vào giá trị lô hàng).

Điều 12. Trong vòng 20 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc bán đấu giá, người mua được lô hàng đấu giá có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng định giá và bán đấu giá để ký hợp đồng mua bán, nộp tiền và lập thủ tục nhận hàng.

1. Nếu quá 20 ngày, kể từ ngày đơn vị trúng đấu giá, đơn vị không lập thủ tục ký hợp đồng mua bán, không nộp đủ số tiền còn lại để nhận hàng, Hội đồng sẽ tịch thu toàn bộ số tiền đặt trước và nộp vào ngân sách nhà nước, đồng thời đơn vị bị chế tài dưới hình thức không được tham gia đấu giá 3 lần kế tiếp. Hội đồng sẽ có văn bản thông báo cho người trả giá liền kề (nhưng không thấp hơn 3 nấc giá so với giá trúng đấu giá) được mua lô hàng này. Nếu trong vòng 5 ngày người trả giá liền kề có văn bản

hoặc không có văn bản phúc đáp việc mua hoặc từ chối mua lô hàng, Hội đồng sẽ xem xét lại đặc điểm và tính chất của lô hàng quyết định giá khởi điểm và tái bán đấu giá.

2. Khách hàng sau khi thanh toán đủ 100% trị giá trúng đấu giá của lô hàng nhưng vì một lý do nào đó đề nghị hủy hợp đồng sẽ đưa ra Tòa Kinh tế giải quyết theo pháp luật hiện hành. Toàn bộ số tiền đã nộp theo trị giá trúng đấu giá của lô hàng sẽ được tạm giữ chờ phán quyết của Tòa án.

Điều 13. Trường hợp hàng bán đấu giá được ủy quyền bảo quản tại kho của cơ quan đề xuất ra quyết định tịch thu (hàng tồn đọng tại các cảng biển, hàng hóa hành lý không người nhận của sân bay...), việc thanh lý hợp đồng mua bán tài sản và cung cấp hồ sơ để lập thủ tục chuyển quyền sở hữu (đối với phương tiện vận chuyển nếu có) do cơ quan ra quyết định xử lý hàng hóa theo dõi thực hiện và báo cáo Sở Tài chính thành phố, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện.

Trường hợp hàng tịch thu đã thu hồi về Kho Tài chính: Hội đồng định giá và bán đấu giá trực tiếp kiểm tra việc thanh lý hợp đồng và cung cấp hồ sơ để lập thủ tục chuyển quyền sở hữu (nếu có).

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU

VỀ BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Điều 14. Việc mở sổ theo dõi thu chi và quyết toán sẽ được báo cáo định kỳ sau mỗi đợt bán đấu giá; ngành tài chính và cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý tịch thu hàng hóa phối hợp báo cáo kết quả quản lý và xử lý tài sản sung quỹ nhà nước để báo cáo với ngành dọc cấp trên.

Đối với hàng hóa tài sản là vật chứng vụ án, kê biên phát mãi theo quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền, việc mở sổ theo dõi thu chi và báo cáo quyết toán thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 15. Một số vấn đề khác

1. Hội đồng định giá và bán đấu giá làm việc theo tính chất kiêm nhiệm và có trách nhiệm đảm bảo thời gian giải quyết, xử lý hàng hóa bán đấu giá từ 30 - 60 ngày (tùy loại hàng).

2. Đối với việc giao nhận tài sản hoặc ủy quyền bảo quản tài sản tùy tình hình thực tế (căn cứ địa điểm, tính chất của các lô hàng), Hội đồng sẽ xem xét quyết định cụ thể. Việc này sẽ được ghi vào biên bản họp Hội đồng định kỳ.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Quy chế này được áp dụng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực và giao cho Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước thành phố, quận - huyện tổ chức thực hiện.

Điều 17. Giám đốc Sở Tài chính thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các thành viên Hội đồng có trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1072/TTr-STP-KTrVB ngày 16 tháng 4 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 223 văn bản do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, theo Danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC VĂN BẢN ĐƯỢC BÃI BỎ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2009/QĐ-UBND

ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

NĂM 1977

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
1	340/QĐ-UB	28/4/1977	Thành lập Viện Quy hoạch thành phố.
CHỈ THỊ			
2	02/CT-UB	02/01/1977	Về những biện pháp đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn lao động và cải thiện điều kiện làm việc của công nhân.
3	13/CT-UB	28/3/1977	Về việc duy trì sản xuất các cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp qua đăng ký kinh doanh.
4	16/CT-UB	13/4/1977	Về việc triển khai áp dụng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm xe đạp.
5	17/CT-UB	13/4/1977	Về việc đẩy mạnh phòng, chống dịch mùa nắng chuẩn bị công tác vệ sinh phòng bệnh phòng chống dịch mùa mưa.
6	19/CT-UB	05/5/1977	Về việc đẩy mạnh phong trào trồng cây xanh ở thành phố Hồ Chí Minh.
7	20/CT-UB	10/5/1977	Về việc thực hiện Quyết định 133-CP của Hội đồng Chính phủ (tăng cường công tác chỉ đạo xây dựng và quản lý chặt chẽ việc thực hiện định mức lao động).
8	23/CT-UB	21/5/1977	Về việc đơn đốc thu thuế công thương nghiệp.
9	29/CT-UB	11/6/1977	Về việc kiểm kê vật tư hàng hóa 0 giờ ngày 01 tháng 7 năm 1977.

10	38/CT-UB	08/7/1977	Về việc tăng cường quản lý tổ chức bộ máy và biên chế lao động.
11	47/CT-UB	11/8/1977	Về việc xây dựng và phát triển hệ thống thương nghiệp quốc doanh ở các quận, huyện.
12	54/CT-UB	04/10/1977	Về nguyên tắc điều động cán bộ phụ trách các phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.
13	59/CT-UB	24/10/1977	Về việc tổ chức bộ phận công tác pháp chế của các Ban, Ngành, Sở và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.
14	63/CT-UB	31/10/1977	Về việc quản lý giá công may đo tư nhân.
15	64/CT-UB	02/11/1977	Về việc xác nhận lý lịch và điều chỉnh khai sanh con của liệt sĩ, cán bộ cách mạng, lập trong các vùng bị tạm chiếm trong thời kỳ chống Mỹ.
16	66/CT-UB	08/11/1977	Về cải tiến một bước lề lối làm việc và thực hiện thống nhất chế độ thỉnh thị, báo cáo.
17	69/CT-UB	19/11/1977	Về việc tổ chức trực cơ quan ngoài giờ làm việc và các ngày nghỉ, ngày lễ.

NĂM 1980

CHỈ THỊ			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
18	01/CT-UB	04/01/1980	Về việc đẩy mạnh công tác khai thác lâm sản ở 3 tỉnh Tây Ninh - Sông Bé và Đồng Nai.
19	03/CT-UB	16/01/1980	Về kế hoạch tổ chức và hướng dẫn hoạt động của các Đội kiểm tra của công nhân.

NĂM 1984

CHỈ THỊ			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
20	1493/UB	16/6/1984	Quản lý chặt chẽ công tác giải tỏa các nghĩa trang Thành phố.

NĂM 1985

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
21	130/QĐ-UB	13/6/1985	Về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

NĂM 1986

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
22	115/QĐ-UB	02/8/1986	Ban hành bản quy định về việc cư trú, ra vào, hoạt động trong khu vực nội thủy và các xã giáp biển thuộc huyện Duyên Hải thành phố Hồ Chí Minh.

NĂM 1989

CHỈ THỊ			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
23	13/CT-UB	20/5/1989	Về việc quản lý nguyên liệu và thành phẩm thuốc ngoại nhập trên địa bàn Thành phố.
24	29/CT-UB	11/9/1989	Về việc chấn chỉnh các hoạt động dịch vụ trên địa bàn Thành phố.
25	32/CT-UB	15/9/1989	Về việc thống nhất hoạt động kinh doanh vàng bạc trên địa bàn Thành phố.
26	36/CT-UB	28/9/1989	Về việc thi hành Chỉ thị 230-CT ngày 07/9/1989 của Hội đồng Bộ trưởng.
27	38/CT-UB	10/10/1989	Về việc thi hành Chỉ thị số 231/CT của Hội đồng Bộ trưởng.

28	45/CT-UB	21/11/1989	Về việc tổ chức mở trường, lớp dạy lái xe cơ giới bộ trên địa bàn Thành phố.
29	48/CT-UB	06/12/1989	Về việc cấm xe ô tô tay lái nghịch (tay lái bên phải) lưu thông trên địa bàn Thành phố.
30	49/CT-UB	08/12/1989	Về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý bảo vệ đường công cộng trên địa bàn Thành phố.
31	50/CT-UB	12/12/1989	Về việc quản lý trật tự đô thị trên lĩnh vực xây dựng, bảo vệ công trình đô thị, giữ gìn môi trường sống và cảnh quan, mỹ quan đô thị.
CÔNG VĂN			
32	4904/UB-VX	30/10/1989	Về việc chấn chỉnh dùng chữ nước ngoài đặt tên cho các đơn vị, sản phẩm và trong quảng cáo.

NĂM 1990

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
CHỈ THỊ			
33	01/CT-UB	10/1/1990	Tăng cường công tác PCCC và chấn chỉnh công tác bảo vệ an ninh nội bộ.
34	05/CT-UB	20/02/1990	Về việc điều tra năng lực sản xuất kinh doanh thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh 0 giờ ngày 01/01/1990.
35	06/CT-UB	22/02/1990	Về việc triển khai thực hiện “hệ thống tài khoản kế toán thống nhất” mới.
36	10/CT-UB	14/3/1990	Về việc sửa đổi một số điểm về đăng ký kinh doanh vàng bạc theo tinh thần Chỉ thị số 32/CT-UB của Ủy ban nhân dân thành phố.
37	17/CT-UB	13/4/1990	Về việc tổ chức thực hiện Quyết định số 176/HĐBT ngày 09/10/1989 của Hội đồng Bộ trưởng.
38	19/CT-UB	18/4/1990	Về những biện pháp cấp bách hỗ trợ các đơn vị kinh tế quốc doanh và củng cố Hợp tác xã tín dụng trên địa bàn Thành phố.
39	21/CT-UB	23/4/1990	Về việc thực hiện chế độ ghi chép hạch toán và báo cáo kế toán, thống kê đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thương nghiệp dịch vụ ngoài quốc doanh.

40	25/CT-UB	16/5/1990	Tổ chức thực hiện Điều lệ Dân quân tự vệ.
41	29/CT-UB	30/7/1990	Về việc củng cố tổ chức và tăng cường quản lý hệ thống thương nghiệp hợp tác xã mua bán thành phố.
42	31/CT-UB	02/8/1990	Về việc quản lý lương thực tại thành phố Hồ Chí Minh.
43	34/CT-UB	30/8/1990	Về việc đăng ký mở trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ trên địa bàn Thành phố.
44	39/CT-UB	02/10/1990	Về việc kiểm soát và thu thuế hàng ngoại nhập lưu thông trên địa bàn Thành phố.
45	41/CT-UB	15/10/1990	Về việc giải quyết những khó khăn về vốn cho các đơn vị sản xuất kinh doanh quốc doanh hoạt động có hiệu quả.
46	55/CT-UB	19/12/1990	Về việc điều tra năng lực vận tải chuyên nghiệp thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

NĂM 1991

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
47	813/QĐ-UB	08/11/1991	Về việc cấm sản xuất, buôn bán, tàng trữ, sử dụng các loại quân trang của quân đội ngụy.
48	71/QĐ-UB	15/3/1991	Tổ chức lực lượng quản lý trật tự đô thị trên địa bàn Thành phố.
CHỈ THỊ			
49	15/CT-UB	01/6/1991	Về việc tăng cường công tác chuẩn bị gọi vốn đầu tư nước ngoài.

NĂM 1992

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
50	919/QĐ-UB	11/6/1992	Về việc kiện toàn tổ chức Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh.

51	2081/QĐ-UB	11/8/1992	Về việc sắp xếp tổ chức lại khối Công trình giao thông và công trình đô thị thuộc Sở Giao thông Công chính.
CHỈ THỊ			
52	18/CT-UB	27/4/1992	Về việc thực hiện Pháp lệnh Bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở thành phố Hồ Chí Minh.
53	20/CT-UB	12/5/1992	Về việc triển khai thực hiện Pháp lệnh Bảo hộ lao động.
54	21/CT-UB	15/5/1992	Về việc thực hiện Nghị định 398/HĐBT ngày 6 tháng 12 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức lực lượng quản lý thị trường các cấp.
55	23/CT-UB	01/6/1992	Về việc tăng cường những biện pháp quản lý bảo vệ rừng và chặn đứng nạn phá rừng.
56	27/CT-UB	29/6/1992	Về việc nghiêm cấm tổ chức dịch vụ mang thư ra nước ngoài và mang thư từ nước ngoài vào Việt Nam không hợp pháp.
57	33/CT-UB	07/8/1992	Về việc triển khai công tác vận động và thu hút đầu tư nước ngoài trong thời gian tới.
58	37/CT-UB	04/9/1992	Về việc tăng cường bảo vệ công trình xây dựng đường dây tải điện 500 KV.
59	38/CT-UB	16/9/1992	Về việc ra sức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh.
60	40/CT-UB	28/9/1992	Về việc thực hiện Quy chế về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 370/HĐBT ngày 09/11/1991, Thông tư liên Bộ số 05/TT-LB-TC-LĐT BXH ngày 07/3/1992 và Thông tư số 08/LĐT BXH-TT ngày 11/7/1992.
61	44/CT-UB	14/10/1992	Về việc kiện toàn tổ chức hệ thống xét giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

NĂM 1993

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
62	752/QĐ-UB	14/5/1993	Hợp nhất 2 Sở: Sở Thương nghiệp và Sở Kinh tế đối ngoại thành tổ chức mới là Sở Thương mại thành phố.

63	1117/QĐ-UB-TM	22/7/1993	Về việc quy định tổ chức và hoạt động các chợ trên địa bàn Thành phố.
64	1282/QĐ-UB	25/8/1993	Thành lập Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh.
CHỈ THỊ			
65	04/CT-UB	9/01/1993	Về việc triển khai Nghị định 35/HĐBT đối với các tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn Thành phố.
66	13/CT-UB	03/4/1993	Kê khai báo cáo tình hình quản lý kho bãi thuộc thành phố quản lý.

NĂM 1994

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
67	1493/QĐ-UB-QLĐT	18/5/1994	Về việc ban hành quy định về việc lập đồ án quy hoạch chi tiết trên địa bàn Thành phố.
68	3131/QĐ-UB-NCVX	27/9/1994	Về việc các điểm vui chơi, giải trí, hàng quán ăn uống chấm dứt hoạt động kinh doanh lúc 23 giờ 30 trong ngày.
69	3364/QĐ-UB-NCVX	08/10/1994	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định của Quyết định số 3131/QĐ-UB-NCVX ngày 27/9/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến hoạt động vui chơi, giải trí, hàng quán ăn uống phải bảo đảm gìn giữ sự yên tĩnh và trật tự chung, tôn trọng giờ nghỉ đêm của nhân dân (từ 23 giờ đến 4 giờ sáng ngày hôm sau).
70	3896/QĐ-UB-NCVX	19/11/1994	Về việc kiện toàn tổ chức Ban Tôn giáo thành phố.
71	4070/QĐ-UB-QLĐT	30/11/1994	Về việc bảo đảm an toàn giao thông trong vận chuyển Container trên đường bộ.
72	4319/QĐ-UB-QLĐT	21/12/1994	Về việc duyệt quy hoạch xác định khu vực đô thị hóa ở ngoại thành phục vụ công tác quản lý xây dựng đô thị.

NĂM 1995

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
73	154/QĐ-UB	13/01/1995	Ban hành quy định tạm thời về nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Ủy viên chuyên trách Ủy ban nhân dân thành phố.
74	5285/QĐ-UB-QLĐT	19/7/1995	Về việc quy định đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên đất nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A thuộc huyện Bình Chánh và huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
75	5352/QĐ-UB-QLĐT	21/7/1995	Về việc ban hành bảng quy định đền bù, trợ cấp, di chuyển dân cư trong khu vực quy hoạch xây dựng dự án Bắc Nhà Bè - Nam Bình Chánh trên địa bàn các huyện Nhà Bè - Bình Chánh và quận 8.
76	6988/QĐ-UB-NCVX	02/10/1995	Ban hành quy chế tạm thời về tổ chức và làm việc ở cơ quan Nhà nước.
77	7016/QĐ-UB-NCVX	03/10/1995	Về việc khám và kiểm tra sức khỏe bắt buộc đối với những người hoạt động trong một số ngành nghề, lĩnh vực nhất định.
78	7099/QĐ-UB-NCVX	09/10/1995	Về việc thành lập Ban chỉ đạo phát triển công nghệ thông tin thành phố Hồ Chí Minh.
79	7805/QĐ-UB	18/11/1995	Về việc ban hành Quy trình thực hiện bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định 61/CP ngày 5/7/1994 của Chính phủ trên địa bàn Thành phố.
80	8102/QĐ-UB-NCVX	04/12/1995	Về việc giao cho Ủy ban nhân dân quận 1, quận 5 và huyện Củ Chi tổ chức và hoạt động thí điểm theo mô hình mới (1 đầu, 1 cửa).
81	8272/QĐ-UB-NCVX	15/12/1995	Ban hành Quy định về việc quản lý lao động đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng, cửa hàng ăn uống, vũ trường, massa, karaoke, khách sạn, nhà trọ trên địa bàn Thành phố.
CHỈ THỊ			
82	07/CT-UB-KT	16/02/1995	Về việc chấn chỉnh việc mở tài khoản tiền gửi vãng lai ở các quận, huyện.

83	17/CT-UB-KT	29/4/1995	Về việc đẩy mạnh các biện pháp đơn đốc thu thuế tồn đọng.
84	34/CT-UB-NCVX	11/7/1995	Về việc thực hiện chế độ gọi báo cáo tiến độ cải cách hành chính và các văn bản có tính chất pháp quy.
85	37/CT-UB-NCVX	20/7/1995	Tăng cường trật tự an toàn giao thông đường bộ và an toàn trật tự giao thông đô thị.
86	38/CT-UB-NCVX	05/8/1995	Về việc tăng cường công tác tổ chức cấp nước chữa cháy ở thành phố.
87	41/CT-UB-KT	09/8/1995	Về việc triển khai thực hiện nghĩa vụ nhận nợ và hoàn trả vốn Ngân sách Nhà nước của các bên Việt Nam trong Xí nghiệp liên doanh và hợp đồng hợp tác kinh doanh với nước ngoài theo Thông tư số 19/TC-TCĐN ngày 09/6/1992 của Bộ Tài chính.
88	43/CT-UB-KT	22/8/1995	Về việc thực hiện Nghị quyết số 49/CP của Chính phủ về phát triển công nghệ thông tin ở nước ta trong những năm 1990.
89	44/CT-UB-NCVX	24/8/1995	Về việc triển khai thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động các mạng, liệt sĩ, gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng.
90	50/CT-UB-NCVX	29/9/1995	Giải quyết một số vấn đề cụ thể trong quản lý trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.
91	61/CT-UB-KT	04/12/1995	Về việc chấn chỉnh tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh khu vực kinh tế Hợp tác xã, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ thành phố Hồ Chí Minh.
CÔNG VĂN			
92	3062/UB-QLĐT	11/10/1995	Về việc xử lý những tồn tại diện nhà cải tạo, vắng chủ.
93	3187/UB-QLĐT	24/10/1995	Về việc quy định đối với nhà, đất trong khu quy hoạch.
94	3915/UB-QLĐT	15/12/1995	Về việc điều chỉnh điểm 1 Công văn số 3062/UB-QLĐT ngày 11/10/1995.

NĂM 1996

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
95	1118/QĐ- UB-QLĐT	11/3/1996	Về việc di chuyển dân cư và đền bù, trợ cấp thiệt hại trong công trình xây dựng khu công nghiệp giày đồ án xuất khẩu do Nhà nước thu hồi đất và cho Công ty cổ phần TNHH POU YUEN-VIỆT NAM thuê đất và đầu tư tại xã Tân Tạo và xã Bình Trị Đông thuộc huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.
96	1850/QĐ- UB-KT	03/4/1996	Quy định tạm thời về việc di chuyển xử lý phế liệu trong Khu chế xuất ra ngoài và việc mua hàng hóa thực phẩm từ ngoài đưa vào phục vụ các xí nghiệp trong Khu chế xuất.
97	1965/QĐ- UB-NC	11/4/1996	Về việc ban hành “Quy chế làm việc tạm thời (mẫu) của Ủy ban nhân dân các quận, huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh”.
98	2158/QĐ- UB-NC	26/4/1996	Về việc phê duyệt Quy chế tạm thời tổ chức, hoạt động thí điểm theo mô hình mới (một cửa, một dấu) của Ủy ban nhân dân quận 5.
99	2404/QĐ- UB-NC	15/5/1996	Về việc phê duyệt Quy chế tạm thời tổ chức, hoạt động thí điểm theo mô hình (một cửa, một dấu) của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.
100	2428/QĐ- UB-NC	16/5/1996	Về việc sửa đổi điều 3, điều 14 trong Bản Quy định về quản lý lao động đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng - cửa hàng ăn uống - vũ trường - massa - karaoke - khách sạn - nhà trọ trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 8272/QĐ-UB-NCVX ngày 15/12/1995 của UBND thành phố.
101	2754/QĐ- UB-KT	06/6/1996	Về việc ban hành chế độ báo cáo tạm thời hàng tháng và bổ sung một số chỉ tiêu trong báo cáo quý đối với các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh.
102	2159/QĐ- UB-NC	24/6/1996	Về việc phê duyệt Quy chế tạm thời tổ chức, hoạt động thí điểm theo mô hình mới (một cửa, một dấu) của Ủy ban nhân dân quận.

103	3325/QĐ-UB-NC	15/7/1996	Về việc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Trạm cân, kiểm tra xe chở quá tải, quá khổ quy định và xe bánh xích tại km 1880 + 650 quốc lộ 01 thuộc địa phận xã Bình Phước, huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
104	3721/QĐ-UB-NC	13/8/1996	Về việc đổi tên Ban Quản lý dự án VIE/95/036 thành Ban Quản lý dự án VIE/95/051.
105	5624/QĐ-UB	02/12/1996	Di chuyển dân cư và đền bù trong khu xây dựng Khu công nghiệp Tân Tạo.
CHỈ THỊ			
106	02/CT-UB-KT	18/01/1996	Về việc triển khai thu dứt điểm thuế sử dụng đất nông nghiệp trong từng mùa vụ.
107	07/CT-UB-KT	28/3/1996	Về việc tăng cường kiểm tra việc vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh, bày bán thuốc lá ngoại nhập lậu trên địa bàn Thành phố.
108	17/CT-UB-NC	03/5/1996	Về việc kiện toàn tổ chức, bố trí nhân sự Ban Tôn giáo quận, huyện.
109	26/CT-UB-NC	30/7/1996	Về việc tổ chức thực hiện Nghị định 24/CP ngày 18/4/1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Quốc phòng.
110	27/CT-UB-NC	10/8/1996	Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 19/CP ngày 06/4/1996 của Chính phủ ban hành Quy chế giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với những người vi phạm pháp luật.
111	31/CT-UB-NC	14/9/1996	Về việc thực hiện Nghị định 39/CP về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt.
112	36/CT-UB-NC	11/11/1996	Về việc tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa, một dấu”.
113	40/CT-UB-KT	03/12/1996	Về việc chấn chỉnh công tác kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y thực phẩm có nguồn gốc động vật.
THÔNG BÁO			
114	99/TB-UB-QLĐT	21/11/1996	Một số ý kiến chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết một số công việc thực hiện Nghị định 36/CP, Nghị định 39/CP, Nghị định 40/CP.

NĂM 1997

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
115	44/QĐ- UB-QLĐT	06/01/1997	Về việc bổ sung một số quy định đơn giá đền bù trợ cấp thiệt hại về đất và tài sản trên phạm vi giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A của Quyết định số 5285/QĐ-UB-QLĐT ngày 19/7/1995 của Ủy ban nhân dân thành phố.
116	403/QĐ- UB-NC	24/01/1997	Giao cho Ủy ban nhân dân quận 10 tổ chức và hoạt động thí điểm theo cơ chế một cửa, một dấu.
117	972/QĐ- UB-NC	06/3/1997	Cho phép Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp tổ chức và hoạt động theo cơ chế một cửa, một dấu.
118	987/QĐ- UB-NC	07/3/1997	Cho phép Ủy ban nhân dân huyện Cần Giò tổ chức và hoạt động theo cơ chế một cửa, một dấu.
119	1466/QĐ- UB-NC	01/4/1997	Về việc cho phép Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh tổ chức và hoạt động theo cơ chế “1 cửa, 1 dấu”.
120	1467/QĐ- UB-NC	01/4/1997	Về việc cho phép Ủy ban nhân dân quận 4 tổ chức và hoạt động theo cơ chế “1 cửa, 1 dấu”
121	1468/QĐ- UB-NC	01/4/1997	Về việc cho phép Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh tổ chức và hoạt động theo cơ chế một cửa, một dấu.
122	1586/QĐ- UB-KT	07/4/1997	Về việc di chuyển dân cư và ban hành bản quy định đền bù trợ cấp thiệt hại và bố trí định cư trong công trình xây dựng Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh.
123	1621/QĐ- UB-KT	08/4/1997	Về việc di chuyển dân cư, các tổ chức và ban hành Bản quy định đền bù, trợ cấp thiệt hại trong công trình xây dựng Khu công nghiệp Tân Bình, phường 15 - phường 16, quận Tân Bình.
124	1935/QĐ- UB-NC	23/4/1997	Về việc cho phép Ủy ban nhân dân quận 3 tổ chức và hoạt động theo cơ chế “một cửa, một dấu”.
125	1932/QĐ- UB-NC	24/4/1997	Về việc cho phép Ủy ban nhân dân quận 8 tổ chức và hoạt động theo cơ chế “một cửa, một dấu”.

126	1933/QĐ-UB-NC	24/4/1997	Về việc cho phép Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận tổ chức và hoạt động theo cơ chế “một cửa, một dấu”.
127	2996/QĐ-UB-NC	17/6/1997	Về việc sửa đổi khoản 5 điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 3325/QĐ-UB-NC ngày 15/7/1996 của Ủy ban nhân dân thành phố (trạm cân Bình Phước).
128	3194/QĐ-UB-NC	25/6/1997	Về việc cho phép Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè tổ chức và hoạt động theo cơ chế “một cửa, một dấu”.
129	4341/QĐ-UB-QLĐT	16/8/1997	Về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 1890/QĐ-UB-QLĐT ngày 05/4/1996 của UBND thành phố về việc thu phí giao thông đường Nguyễn Tất Thành quận 4.
130	5117/QĐ-UB-KT	19/9/1997	Về việc điều chỉnh, bổ sung một số điểm trong Bản quy định về đền bù, trợ cấp thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất tại công trình thủy lợi Sông Lu, huyện Củ Chi ban hành kèm theo Quyết định số 536/QĐ-UB-KT ngày 30/01/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố.
131	5803/QĐ-UB-QLĐT	15/10/1997	Về việc điều chỉnh bản quy định về việc lập đồ án quy hoạch chi tiết trên địa bàn Thành phố.
132	5826/QĐ-UB-KT	15/10/1997	Về việc di chuyển dân cư, các tổ chức và ban hành Bản quy định đền bù trợ cấp thiệt hại trong công trình xây dựng khu công nghiệp Tân Thới Hiệp tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.
133	5846/QĐ-UB-KT	16/10/1997	Về việc di chuyển dân cư và ban hành Bản quy định đền bù trợ cấp thiệt hại và bố trí định cư trong công trình xây dựng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh.
134	6365/QĐ-UB-KT	07/11/1997	Về việc thành lập Ban quản lý dự án Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.
CHỈ THỊ			
135	18/CT-UB-NCVX	06/6/1997	Về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 37/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/01/1997.
136	35/CT-UB-QLĐT	28/10/1997	Về việc tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê các loại giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991 và quỹ nhà do Nhà nước quản lý trong quá trình thực hiện các chính sách nhà đất.

137	37/CT-UB-NCVX	12/11/1997	Về tăng cường thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội trên địa bàn Thành phố.
138	89/CT-UB-KT	14/11/1997	Về việc giải quyết các nguồn vốn, tài sản của Liên hiệp Hợp tác xã và Hợp tác xã trong quá trình chuyển đổi và đăng ký lại theo Luật Hợp tác xã.
139	46/CT-UB-KT	22/12/1997	Về việc sửa đổi, bổ sung Chỉ thị số 89/CT-UB-KT ngày 14/11/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố.
CÔNG VĂN			
140	610/UB-NC	26/02/1997	Về việc tạm hoãn ngày xuất cảnh đối với người được cấp hộ chiếu xuất cảnh.
141	2690/UB-QLĐT	25/7/1997	Về việc phê duyệt giá xét thầu các công trình thuộc quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện.
142	3462/UB-KT	16/9/1997	V/v thủ tục cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhỏ đầu tư vào khu công nghiệp.
143	4172/UB-QLĐT	29/10/1997	Về việc điều chỉnh một số quy định của quy trình bán nhà ở ban hành kèm theo Quyết định số 7805/QĐ-UB-QLĐT ngày 18/11/1995.
144	4207/UB-QLĐT	31/10/1997	Về việc bổ sung điều chỉnh một số điểm trong công văn 323/UB-QLĐT ngày 27/01/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức đền bù và hoán đổi đất ở tại các khu tái định cư dự án Bắc Nhà Bè - Nam Bình Chánh.
145	5392/UB-QLĐT	15/12/1997	Về việc thực hiện miễn giảm thuế, phí cho các phương tiện vận tải tham gia hoạt động theo chế độ xe buýt.

NĂM 1998

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
146	498/QĐ-UB-KT	02/02/1998	Về việc trích 30% tiền thu phạt vi phạm cung ứng sử dụng điện để sử dụng phục vụ kiểm tra và quản lý điện năng.

147	1226/1998/QĐ-UB-KT	10/3/1998	Về việc quy định quản lý giống bò sữa trên địa bàn Thành phố.
148	1815/1998/QĐ-UB-NC	06/4/1998	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trọng tài lao động thành phố.
149	2424/QĐ-UB-QLĐT	08/5/1998	Về điều chỉnh, bổ sung quy định ở Điều 1, Quyết định số 2073/QĐ-UB-KT ngày 02/5/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố (xử phạt vi phạm hành chính hành vi nuôi chó chạy rong).
150	5957/QĐ-UB-QLĐT	09/11/1998	Về việc ban hành quy định về đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại và bố trí định cư trong dự án nâng cấp đường xuyên Á trên địa bàn Thành phố.
CHỈ THỊ			
151	08/1998/CT-UB-NCVX	12/3/1998	Về việc tiếp tục tổ chức quản lý dân nhập cư vào thành phố Hồ Chí Minh.
152	09/1998/CT-UB-KT	23/3/1998	Về việc dán tem 4 nhóm mặt hàng điện tử, điện lạnh, động cơ nổ, vật liệu xây dựng nhập khẩu.
153	16/1998/CT-UB-KTCN	07/5/1998	Về việc triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã theo Nghị định số 15/CP
154	29/1998/CT-UB-NC	22/8/1998	Về việc triển khai quy chế thực hiện dân chủ ở phường, xã, thị trấn.
155	32/1998/CT-UB-TM	10/9/1998	Về việc dán tem 2 mặt hàng gạch ốp lát và máy bơm nước điện nhập khẩu.
156	33/1998/CT-UB-KT	11/9/1998	Về cấp chứng nhận ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/01/1998 của Chính phủ.
157	41/1998/CT-UB-KT	24/11/1998	Về kế hoạch sử dụng tiền bán cổ phần thuộc vốn Nhà nước.
158	45/1998/CT-UB-QLDA	22/12/1998	Về việc triển khai thực hiện Quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) áp dụng cho đầu tư trong nước ban hành kèm theo Nghị định số 77/CP ngày 18/6/1997 của Chính phủ.
CÔNG VĂN			
159	3559/CV-UB-QLĐT	17/9/1998	Về việc xử lý các vi phạm chuyển nhượng đất bất hợp pháp và xây dựng trái phép tại Khu B, B' thuộc xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh.

NĂM 1999

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
160	244/QĐ-UB-NC	14/01/1999	Về thành lập Ban Quản lý dự án VIE/96/029-Hỗ trợ kỹ thuật cho cải cách hành chính tại thành phố Hồ Chí Minh.
161	1015/1999/QĐ-UB-KT	22/02/1999	Về thành lập Hội đồng Xử lý tranh chấp và vi phạm cung ứng sử dụng điện thành phố.
162	1518/QĐ-UB-KT	17/3/1999	Về chiết khấu bán lẻ xăng dầu tại thành phố Hồ Chí Minh.
163	2750/1999/QĐ-UB-QLĐT	13/5/1999	Về việc ban hành bản quy định về trình tự và tổ chức thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cho dự án đường xuyên Á trên địa bàn Thành phố.
164	4385/1999/QĐ-UB-NC	03/8/1999	Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện dự án cải cách hành chính VIE/96/029.
165	4719/1999/QĐ-UB-VX	21/8/1999	Về việc thành lập Hội đồng bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố - khóa VI nhiệm kỳ 1999 - 2004.
166	6623/QĐ-UB-CN	03/11/1999	Về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh xem xét, cấp chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước không sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất tại thành phố Hồ Chí Minh.
167	7745/1999/QĐ-UB-QLĐT	17/12/1999	Về việc thành lập Ban chỉ đạo Tổng kiểm kê đất đai năm 2000.
CHỈ THỊ			
168	11/1999/CT-UB-TM	13/5/1999	Về việc dán tem hàng nhập khẩu.
169	36/1999/CT-UB-CNN	02/11/1999	Về thực hiện Nghị định số 07/CP ngày 16/10/1996 của Chính phủ và Thông tư số 02/NN-KNKL/TT ngày 01/3/1997 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

CÔNG VĂN			
170	4202/UB-QLĐT	06/10/1999	Về việc phân bổ sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông.
171	5174/UB-TH	09/12/1999	Về xử lý các doanh nghiệp không kê khai, đăng ký lại theo Chỉ thị 657/TTg ngày 13/9/1996 của Thủ tướng Chính phủ.

NĂM 2000

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
172	39/2000/QĐ-UB-VX	21/6/2000	Về việc cho phép Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân quận, huyện để đóng dấu cấp bằng tốt nghiệp.
173	52/2000/QĐ-UB-CNN	22/9/2000	Về việc sửa đổi điều 02 của Quyết định số 1015/1999/QĐ-UB-KT ngày 22/02/1999 về thành lập Hội đồng xử lý tranh chấp và vi phạm cung ứng sử dụng điện thành phố.
174	54/2000/QĐ-UB-CNN	03/10/2000	Về việc ủy quyền thực hiện việc ký và cấp Thẻ chứng nhận áp dụng chế độ một giá.
175	62/2000/QĐ-UB-TM	08/11/2000	Về việc giao Sở Thương mại thành phố làm đầu mối quản lý Nhà nước đối với Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài trên địa bàn Thành phố.
CHỈ THỊ			
176	03/2000/CT-UB-ĐT	31/01/2000	Về việc triển khai Chỉ thị số 33/1999/CT-TTg ngày 27/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý Nhà nước trong công tác bảo đảm trật tự giao thông.
177	23/2000/CT-UB-ĐT	21/9/2000	Về việc thực hiện việc đội mũ bảo hiểm khi đi xe gắn máy, mô tô.
178	62/2000/CT-UB-TM	22/11/2000	Về việc thực hiện Quy chế quản lý, thu nộp và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thành phố.

NĂM 2001

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
179	03/2001/QĐ- UB	11/01/2001	Về sửa đổi, bổ sung quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng Khu Siêu thị An Lạc, huyện Bình Chánh (bao gồm cả tuyến hành lang an toàn lưới điện, lộ giới, kênh rạch, bãi đậu xe và cây xanh lân cận).
180	40/2001/QĐ- UB	15/5/2001	Về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây thành phố Hồ Chí Minh.
181	46/2001/QĐ- UB	01/6/2001	Về việc các tuyến đường bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, xe máy tham gia giao thông đường bộ tại thành phố Hồ Chí Minh.
182	49/2001/QĐ- UB	12/6/2001	Về ủy quyền xét duyệt danh mục máy móc, thiết bị và dự toán của các chủ đầu tư được vay vốn theo chương trình kích cầu.
183	71/2001/QĐ- UB	29/8/2001	Về việc quy định đơn giá các loại đất và các loại cây trồng để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại và sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Bản quy định kèm theo Quyết định số 40/2001/QĐ-UB ngày 15/5/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố trong dự án đầu tư xây dựng Đại lộ Đông - Tây thành phố Hồ Chí Minh.
184	88/2001/QĐ- UB	03/10/2001	Về thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ thành phố.
CHỈ THỊ			
185	18/2001/CT- UB	18/7/2001	Về việc thực hiện thu và sử dụng chi phí thẩm tra phê duyệt quy hoạch.
CÔNG VĂN			
186	4265/UB-ĐT	22/11/2001	Về giải quyết một số vấn đề trong công tác quản lý sử dụng đất nông nghiệp.

187	4524/UB-ĐB	12/11/2001	Về việc chấp thuận hỗ trợ thêm giá đền bù đất nông nghiệp và đền bù, trợ cấp thiệt hại ở các dự án đầu tư trong khu quy hoạch đô thị mới Nam thành phố trên địa bàn quận 7, 8 và Bình Chánh.
188	4597/UB-ĐT	14/12/2001	Về việc duyệt giá bán căn hộ các chung cư, giá chuyển quyền sử dụng nền đất để phục vụ tái định cư trong dự án xây dựng đại lộ Đông Tây.

NĂM 2002

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
189	14/2002/QĐ-UB	19/02/2002	Về ban hành Quy định tạm thời quản lý tôm giống, thức ăn nuôi thủy sản, thuốc thú y thủy sản và môi trường nuôi tôm trên địa bàn Thành phố.
190	32/2002/QĐ-UB	02/4/2002	Ủy quyền cấp phép Văn phòng đại diện thương nhân nước ngoài tại thành phố.
191	46/2002/QĐ-UB	06/5/2002	Về thành lập Hội đồng thẩm định đề án chương trình hỗ trợ lãi vay cho hộ nông dân.
192	118/2002/QĐ-UB	23/10/2002	Về ban hành Quy định quản lý giống cây trồng trên địa bàn Thành phố.
193	123/2002/QĐ-UB	04/11/2002	Về việc phê duyệt Quy chế bổ sung đối với Khu đường sông (Sở Giao thông Công chánh) về tổ chức và hoạt động trong lĩnh vực kiểm soát, phòng chống và ứng phó sự cố tràn dầu trong giao thông đường thủy thành phố.
194	5075/QĐ-UB	06/12/2002	Về việc triển khai thực hiện Nghị định số 63/2001/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

NĂM 2003

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
195	09/2003/QĐ-UB	15/01/2003	Bổ sung chính sách đền bù, hỗ trợ thiệt hại đối với các hộ sử dụng đất trồng rau muống trong dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư Rạch Miễu thuộc phường 1, 2, 7 quận Phú Nhuận.
196	56/2003/QĐ-UB	25/4/2003	Về các chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn Thành phố.
197	111/2003/QĐ-UB	04/7/2003	Về thành lập Hội đồng xử lý vi phạm cung ứng và sử dụng điện.
198	112/2003/QĐ-UB	09/7/2003	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng xử lý vi phạm cung ứng và sử dụng điện.
199	113/2003/QĐ-UB	10/7/2003	Về điều chỉnh mức trợ cấp hoạt động phí hàng tháng đối với Phó Chủ tịch UBNDTTQ, Phó các Đoàn thể phường - xã, thị trấn; mức phụ cấp đối với Công an viên, cán bộ chuyên trách Hội Chữ thập đỏ và trợ cấp cho chức danh Thống kê trong Ban Chỉ huy Quân sự của phường - xã, thị trấn.
200	114/2003/QĐ-UB	10/7/2003	Về thành lập Ban Tôn giáo quận - huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.
201	279/2003/QĐ-UB	28/11/2003	Về triển khai thực hiện Quyết định số 25/2002/QĐ-TTg ngày 01/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 12/2002/TTLT/BLĐTBXH-BTC của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
202	293/2003/QĐ-UB	12/12/2003	Về việc tổ chức lại Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước thành Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp Nhà nước thành phố khi chuyển đổi sở hữu.

CHỈ THỊ			
203	11/2003/CT-UB	02/6/2003	Về việc áp dụng mức lương tối thiểu đối với các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thành phố.
CÔNG VĂN			
204	693/UB-CNN	25/02/2003	Về việc hướng dẫn quy trình cổ phần hóa và quy chế đấu giá bán cổ phần lần đầu cho các doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa thuộc thành phố quản lý.

NĂM 2004

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
205	17/2004/QĐ-UB	16/02/2004	Về ban hành quy định quản lý các dự án thuộc thành phần thuộc Đề án tin học hóa quản lý hành chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2004 - 2005 (Đề án 112).
206	65/2004/QĐ-UB	24/3/2004	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ chức Giám định tư pháp về văn hóa thành phố.
207	125/2004/QĐ-UB	06/5/2004	Ban hành Quy chế về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet tại thành phố Hồ Chí Minh.
208	189/2004/QĐ-UB	30/7/2004	Về điều tiết số thu tiền đền bù đất công cho ngân sách quận - huyện.
209	204/2004/QĐ-UB	27/8/2004	Về phê duyệt mức thu phí các loại hình dịch vụ tư vấn của Trung tâm Dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tài chính.
210	247/2004/QĐ-UB	29/10/2004	Về thành lập Sở Bưu chính, Viễn thông.
211	269/2004/QĐ-UB	08/12/2004	Về bổ sung các tuyến đường bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, xe máy tham gia giao thông đường bộ tại thành phố Hồ Chí Minh.
212	313/2004/QĐ-UB	21/12/2004	Về chuyển giao tổ chức và nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công nghệ thông tin từ Sở Khoa học và Công nghệ sang Sở Bưu chính, Viễn thông.

NĂM 2005

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
213	01/2005/QĐ-UB	06/01/2005	Về bổ sung Quyết định số 247/2004/QĐ-UB ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Bưu chính, Viễn thông.
214	53/2005/QĐ-UB	31/3/2005	V/v ban hành danh mục giống cây trồng được phép sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố.
215	57/2005/QĐ-UB	13/4/2005	Về giao nhiệm vụ Sở Thương mại triển khai và thực hiện Quyết định số 0027/2005/QĐ-BTM và Quyết định số 0028/2005/QĐ-BTM ngày 07 tháng 01 năm 2005 của Bộ Thương mại.
216	61/2005/QĐ-UB	18/4/2005	Về thành lập Thanh tra Sở Bưu chính, Viễn thông.
217	83/2005/QĐ-UB	23/5/2005	Về bổ sung các tuyến đường bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố.
218	86/2005/QĐ-UB	24/0/2005	Về thành lập Thanh tra Sở Giao thông - Công chính thuộc Sở Giao thông - Công chính.
219	110/2005/QĐ-UBND	20/6/2005	Về ban hành quy định tạm thời mức thu phí đậu xe ô tô hàng tháng trên địa bàn quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
220	133/2005/QĐ-UBND	29/7/2005	Về việc điều chỉnh một số nội dung trong văn kiện Dự án hỗ trợ kỹ thuật cho Cải cách hành chính tại thành phố Hồ Chí Minh (VIE/02/010).
221	146/2005/QĐ-UBND	18/8/2005	Ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác liên ngành thông báo giá, kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn Thành phố.
222	229/2005/QĐ-UBND	28/12/2005	Về ban hành quy chế hoạt động của Tổ công tác liên ngành thẩm định giá mua quỹ nhà, chuyên nhượng nền đất trong các dự án theo Chỉ thị số 24/2004/CT-UB ngày 31/8/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

NĂM 2006

QUYẾT ĐỊNH			
STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	TÊN VĂN BẢN
223	88/2006/QĐ- UBND	14/6/2006	Về bổ sung thành viên Hội đồng tư vấn đưa người vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy và giải quyết tái hòa nhập cộng đồng cấp thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2009/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 30 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/NQ-QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/NQ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn tổ chức bộ máy các Ban Quản lý dự án;

Căn cứ Thông báo số 210-TB/HU ngày 16 tháng 6 năm 2009 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy trong phiên họp lần thứ 141 ngày 03 tháng 6 năm 2009.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 32/TTr-NV ngày 18 tháng 6 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Cần Giờ là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện.

Điều 2. Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình có các nhiệm vụ như sau:

1. Bám sát nhu cầu thực tế, phối hợp cùng với các cơ quan chuyên môn của huyện xây dựng các dự án phù hợp với quy hoạch, chủ trương của huyện và thành phố. Tư vấn thực hiện các công việc như điều tra khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án, thiết kế dự án. Theo dõi, kiểm tra, thẩm định, phê duyệt, trình duyệt các hồ sơ đến các cơ quan thẩm quyền và quản lý các hồ sơ theo đúng quy định hiện hành.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định, ký kết hợp đồng theo thẩm quyền của chủ đầu tư. Nếu dự án có liên quan đến thu hồi đất, giải phóng mặt bằng phải thực hiện thủ tục thu hồi đất và giao đất, điều tra đo vẽ chính xác hiện trạng. Nắm vững các quy định bồi thường, hỗ trợ tái định cư, xây dựng và thực hiện phương án khả thi và đúng quy định hiện hành. Đồng thời tham mưu giải quyết khiếu nại, kiến nghị của các hộ dân bị ảnh hưởng của dự án.

3. Tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; chỉ định thầu các công trình theo quyền hạn được ủy quyền. Thực hiện nhiệm vụ giám sát chủ đầu tư công trình cùng với đơn vị tư vấn giám sát. Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán theo hợp đồng đã ký kết. Quản lý tiến độ, chất lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường của công trình, điều chỉnh dự án, thiết kế, dự toán nếu có phát sinh theo quy định.

4. Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình theo đúng quy định, lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn. Thực hiện tốt chế độ lưu trữ hồ sơ.

5. Tham mưu xây dựng và thực hiện các dự án tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất trong các dự án.

Điều 3. Ban Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình bao gồm Giám đốc phụ trách và có từ 02 đến 03 Phó Giám đốc giúp việc theo quy định hướng dẫn của cấp trên. Giám đốc chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Ban trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Giám đốc căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban sắp xếp bộ máy tinh gọn, hợp lý, hoạt động có hiệu quả; phân công cán bộ, viên chức phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hiệp

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng